

**CÔNG TY TNHH ONES AGENCY & MEDIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ONES AGENCY & MEDIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ONES AGENCY & MEDIA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ONES AGENCY & MEDIA CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110072487

**3. Ngày thành lập:** 26/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 33, Ngõ 31 đường Mạc Thái Tổ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0899 388 060

Fax:

Email: onesagencymedia@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                           | 4649     |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                   | 8230     |
| 3.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                               | 8551     |
| 4.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                 | 8552     |
| 5.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                                                                       | 9000     |
| 6.  | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                            | 9311     |
| 7.  | Hoạt động thể thao khác<br>Chi tiết: - Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà tổ chức các sự kiện thể thao, có hoặc không có cơ sở.                                                                                    | 9319     |
| 8.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                         | 6202     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                                                         | 6209     |
| 10. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                          | 6311     |
| 11. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cất xén thông tin, báo chí, v.v... | 6399     |
| 12. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                    | 7020     |

|     |                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội<br>Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thông tin đại chúng và truyền thông.                          | 7221        |
| 14. | Quảng cáo<br>(Loại trừ quảng cáo bị Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                  | 7310        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                           | 7320        |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                     | 7410        |
| 17. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                          | 7420        |
| 18. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                             | 2023        |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                   | 5610        |
| 20. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Loại trừ phim, chương trình truyền hình bị Nhà nước cấm)                                                                              | 5911(Chính) |
| 21. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                   | 5912        |
| 22. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Loại trừ phát hành chương trình truyền hình)                                                                                         | 5913        |
| 23. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(Loại trừ xuất bản sách âm nhạc)                                                                                                                                           | 5920        |
| 24. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                      | 7721        |
| 25. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                           | 7722        |
| 26. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết: - Đồ dệt, trang phục và giày dép; - Đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; - Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...; | 7729        |
| 27. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                            | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HÀ TIẾN CUÔNG  | Việt Nam  | Số 19 tổ 23, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 350.000.000           | 70,000    | C9344337                                                                                                |         |

|   |                |             |                                                                         |             |        |          |  |
|---|----------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|----------|--|
| 2 | BÙI HẢI<br>SƠN | Việt<br>Nam | Thôn 2A, Xã Phú<br>Nghĩa, Huyện Lạc<br>Thủy, Tỉnh Hòa Bình,<br>Việt Nam | 150.000.000 | 30,000 | C1708335 |  |
|---|----------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HÀ TIẾN CƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *14/07/1991*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *C9344337*

Ngày cấp: *29/12/2020*

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Địa chỉ thường trú: *Số 19 tổ 23, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 2 ngách 354/188 đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*